

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2017

“V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lý Văn Sáu**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trần Thị Tím**

2. Bà **Nguyễn Thị Anh Đào**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Đoàn Tố Quyên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017, về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Tăng Thị L**, sinh năm 1987; cư trú tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Trương Đ**, sinh năm 1984; cư trú tại ấp C, xã HG, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2017 nguyên đơn chị Tăng Thị L trình bày: Do quen biết nhau nên chị và anh Trương Đ được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân là do anh Đ hay kiếm chuyện và ghen tuông, lần mâu thuẫn gần đây nhất là vào năm 2015 do anh Đ ghen vô cớ nên hai bên đã lời qua tiếng lại với nhau rồi anh Đ bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và anh chị đã ly thân cho đến nay. Trong quá trình chung sống anh chị có với nhau hai người con là cháu Trương Minh T1, sinh ngày 01/5/2009 và Trương Minh T2, sinh ngày 24/12/2012. Nay nhận thấy tình cảm vợ

chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt và mâu thuẫn cũng đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung thì chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả hai người con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung chị trình bày không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2017, bị đơn anh Trương Đ đồng ý ly hôn với chị L, tài sản chung và nợ chung thì anh thống nhất không có, khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Trương Minh T1 và Trương Minh T2 cho chị L nuôi dưỡng nhưng chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Tại biên bản tiếp xúc ngày 03/8/2017, cháu Trương Minh T1 có ý kiến là nếu chị L và anh Đ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn được ở với anh Đ.

Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ, về con chung thì chị tôn trọng ý kiến của cháu T1 và đồng ý giao cháu T1 cho anh Đ nuôi dưỡng, chị nhận nuôi cháu T2 và xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ đã đến mức trầm trọng nên đề nghị ghi nhận sự thuận tình ly hôn của hai đương sự. Về con chung, đề nghị tôn trọng nguyện vọng của cháu Trương Minh T1 được sống chung với anh Trương Đ và giao cháu Trương Minh T2 cho chị L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị L rút lại yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này. Về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị L do thuộc diện người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trương Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ và đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị L và anh Trương Đ xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ đó, quá trình giải quyết vụ án đến nay chị L vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của anh chị không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên không có thiện chí hàn gắn lại, mỗi người sống một nơi và tự nguyện về việc ly hôn nên cần công nhận sự tự nguyện ly hôn của anh, chị.

[3] Về con chung: Chị L và anh Đ thống nhất có 02 người con chung là Trương Minh T1, sinh ngày 01/5/2009 và Trương Minh T2, sinh ngày 24/12/2012. Tại phiên tòa hôm nay chị L tôn trọng quyết định của cháu T1 là muốn sống với anh Đ, do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Toàn cho anh Đ nuôi dưỡng, còn cháu T2 sẽ do chị L nuôi dưỡng. Chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Đ phải

cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L.

[4] Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Đ đều thống nhất là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do thuộc diện người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005775 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tăng Thị L và anh Trương Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Minh T1, sinh ngày 01/5/2009 cho anh Trương Đ nuôi dưỡng, giao cháu Trương Minh T2, sinh ngày 24/12/2012 cho chị Tăng Thị L nuôi dưỡng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

4. Về án phí: Chị L được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do thuộc diện người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005775 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

5. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Sáu